

Bản án số: **105/2025/HS-PT**
Ngày: 13-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hiền

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Lịnh

Ông Trương Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2025/TLPT-HS ngày 14 tháng 05 năm 2025 đối với các bị cáo Tô Thanh T, Nguyễn Minh H, Nguyễn Văn K do có kháng cáo của các bị cáo với Bản án hình sự sơ thẩm số: 220/2024/HS-ST ngày 12 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Tô Thanh T, sinh năm 1983; Nơi sinh: Thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Nơi ĐKTT: Số D N, khu phố N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là Số D N, phường R, tỉnh An Giang); Chỗ ở hiện tại: Số B Q, khu phố L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là Số B Q, phường R, tỉnh An Giang); Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn T1, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Kim E, sinh năm 1954; Anh, em ruột: Có 05 người, lớn nhất 48 tuổi, nhỏ nhất 21 tuổi; Vợ: Trịnh Ngọc L (đã chết); con: 01 người, 18 tuổi; tiền án, tiền sự: Chưa.

- Ngày 19/02/2016, có hành vi Vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy. Đến ngày 18/01/2023, bị khởi tố cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra. (Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa)

2. Nguyễn Minh H (tên gọi khác: G), sinh ngày 25/04/1989. Nơi sinh: thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Số F N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là Số F N, phường R, tỉnh An Giang) ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Trịnh Kim H1, sinh năm 1954; Anh, em: Có 04 người, lớn nhất 43 tuổi, nhỏ nhất 22 tuổi; tiền án, tiền sự: Chưa.

Ngày 19/02/2016, có hành vi Vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy. Đến ngày 08/02/2023, bị khởi tố cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra. *(Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa)*

3. Nguyễn Văn K (tên gọi khác: Cu), sinh ngày 17/01/1993. Nơi sinh: thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Nơi ĐKTT: H38 T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là H38 T, phường R, tỉnh An Giang); Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1969; Anh, em: Có 03 người, lớn nhất 30 tuổi, nhỏ nhất 23 tuổi; tiền án, tiền sự: Chưa.

Ngày 19/02/2016, có hành vi Vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy. Đến ngày 08/02/2023, bị khởi tố cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra. *(Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa)*

(Ngoài ra còn những người bị hại và người làm chứng, không liên quan đến nội dung kháng cáo của bị cáo nên không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tô Thanh T hoạt động kinh doanh mua bán hải sản, T có một nhà kho tại địa chỉ số B đường Q, phường V, thành phố R. Kho của T tiếp giáp với các kho 290, 292 và 296 của anh Dương V, Trần Trọng N1, anh Lê Văn V1 và chị Trần Thạch Bảo U. Do có nhu cầu sửa chữa lại nhà kho nên từ ngày 17/02/2016 đến 19/02/2016 T có thuê hai nhóm thợ gồm Bùi Ngọc Q, Ngô Bạc H2 và Danh M phụ trách xây lại kho còn nhóm thợ còn lại là Nguyễn Minh H và Nguyễn Văn K làm hàn điện để hàn các khuôn bông Inox và hàn các đòn tay sắt làm gác. Do thuê H và K làm công trả lương ngày nên các trang thiết bị và vật tư như: Máy hàn điện, que hàn, sắt, I...đều do T chuẩn bị. Vào ngày 19/02/2016, H và K hàn cắt các khuôn bông bằng Inox (khuôn cũ có sẵn của kho) ra rồi hàn cắt lại khuôn bông khác có diện tích nhỏ hơn để cho nhóm thợ hồ của Q gắn vào các bức tường mới xây, đồng thời hàn các thanh sắt làm đòn tay và gác lên vách tường để làm gác lót ván. Đến khoảng buổi chiều cùng ngày H và K tiếp tục thực hiện công việc, H trèo lên hàn cố định các thanh sắt với nhau, T đứng phía dưới

chỉ cho H hàn theo ý của mình, sau đó đòi cho K lên hàn gia cố thêm những khoảng trống theo yêu cầu của T, T đứng xem K và H làm việc một lúc thì bỏ ra ngoài đi công việc. H đứng dưới đất đưa các thanh sắt hộp lên cho K hàn lấp kín những khoảng trống theo yêu cầu của T. Vị trí K hàn các thanh sắt. hộp tiếp giáp với mép toi dừng vách ngăn cách giữa nhà kho của T và nhà kho 296 của vợ chồng anh Lê Văn V1 và chị Trần Thạch Bảo Q1. K hàn liên tục khoảng 5 phút thì xuống đất ngồi nghỉ sau đó trèo lên để lót ván sàn thì phát hiện thấy toa dừng vách đổ lên. Cùng lúc đó Q và H phát hiện bên nhà kho của anh V1, chị Q1 phát cháy nên chạy qua truy hô, H dùng bình xịt chữa cháy xịt dập lửa nhưng không dập được và làm bỏng hai tay và mặt của H. Lửa bắt đầu bùng phát dữ dội và cháy lan nhanh qua các kho 294 của T, phần bếp nhà 292 của anh Trần Trọng N1 và kho 290 của anh Dương D1, lực lượng Phòng cháy chữa cháy và người dân cùng nhau dập lửa đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì đám cháy mới được dập tắt.

Nguyên nhân xảy ra cháy là do trong quá trình thực hiện thao tác hàn điện các bị cáo đã không tuân thủ đúng quy định về an toàn lao động đối với máy hàn điện và công việc hàn điện được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 03/2011/BLĐTBXH, cụ thể tại các điểm: 2.1.4 “khi tiến hành công việc hàn điện tại những nơi có nguy cơ cháy, nổ phải tuân theo các quy định an toàn phòng chống cháy, nổ”; 2.2.12 “Các máy hàn nối tiếp xúc có quá trình làm cháy kim loại, phải trang bị tấm chắn kim loại nóng chảy bắn ra, đồng thời bảo đảm cho phép theo dõi quá trình hàn một cách an toàn”; 2.2.17 “Tại các vị trí hàn, nếu chưa có biện pháp phòng chống cháy thì không được tiến hành công việc hàn điện”... và Luật phòng cháy chữa cháy năm 2001 cụ thể tại các Điều: Khoản 5, 6 Điều 13 “5. Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, sử dụng, mua bán trái phép chất nguy hiểm về cháy, nổ; vi phạm nghiêm trọng các quy định quản lý, sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy đã được Nhà nước quy định. 6. Thi công những công trình có nguy hiểm về cháy, nổ mà chưa có thiết kế được duyệt về phòng cháy và chữa cháy; nghiệm thu và đưa vào sử dụng công trình có nguy hiểm về cháy, nổ khi chưa đủ điều kiện bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy”; khoản 1, Điều 14 “1. Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy”.

Vào các ngày 18/01/2023 và 08/02/2023 lần lượt Tô Thanh T, Nguyễn Minh H và Nguyễn Văn K bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra.

* Các đồ vật, tài liệu đã thu giữ trong vụ án gồm có:

- 01 (một) que hàn và than tro tại vị trí số 01 trên nền nhà kho 296.
- 02 (hai) sợi dây màu đỏ bị cháy và than tro tại vị trí số 02 trên nền nhà kho số 296.

- Các hạt kim loại màu vàng bị nóng chảy mặt trong thanh xà gỗ và than tro dưới nền tại vị trí số 4 nhà kho 296.

- 01 (một) máy hàn, dây hàn, tay hàn bị cháy và than tro tại vị trí số 03 trên nền nhà kho 294.

- 01 (một) quạt điện, dây điện bị cháy và than tro tại vị trí số 05 trên nền nhà kho 294.

- Miếng tôn ngay chỗ có nhiều vết biến đổi màu sắt tôn do tác động nhiệt cao, (bút lục số 04-07).

* Tại bản Kết luận giám định số 807/KL-KTHS, ngày 14/3/2016 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận như sau:

Loại trừ nguyên nhân cháy do đốt, phá hoại.

Loại trừ nguyên nhân cháy do sự cố kỹ thuật điện (chạm chập điện, quá tải điện, điện trở tiếp xúc cao) trên các đường dây dẫn điện lắp đặt trong khu vực nhà kho số 296.

Loại trừ nguyên nhân cháy do thuốc nổ, thuốc pháo hoặc các hóa chất có khả năng tự cháy gây cháy.

Loại trừ nguyên nhân cháy do hàng hóa trong kho tự cháy.

Nguyên nhân cháy là do trong lúc hàn kim loại tại các khung sắt gác nhà kho 294 đã làm hình thành các kim loại hàn nóng chảy mang nhiệt độ cao liên tục bắn văng ra xung quanh nung nóng tấm tôn vách ngăn với nhà kho số 296 (đang chèn ép sát bề mặt tôn vách ngăn). Đám cháy lúc đầu cháy âm ỉ sau một thời gian ngắn bùng phát cháy lớn và phát triển đi các hướng gây cháy lan sang các nhà số B, 292 và 290.

(Các hạt kim loại hàn nóng cháy bắn văng ra mang nhiệt độ khoảng 1500⁰C - 1800⁰C, vùng nguy hiểm lan truyền của các hạt kim loại hàn nóng chảy từ chỗ hàn trung bình khoảng 5m).

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 69/KL-HĐĐGTS, ngày 27/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Kiên Giang kết luận:

Đối với tài sản đủ điều kiện định giá: Hội đồng thống nhất với Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần T4 và báo cáo nhận xét của Phòng Quản lý giá và công sản. Tổng giá trị hàng hóa đủ điều kiện định giá của kho 290 là:

Tổng giá trị tài sản đủ điều kiện định giá theo yêu cầu định giá của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R của hàng hóa kho 290 bị cháy vào ngày 19/02/2016 là: 8.281.264.000đ (tám tỷ hai trăm tám mươi một triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

* Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 99/KL-PY, ngày 08/03/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh K kết luận thương tích của Nguyễn Minh H như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

- Bỏng da độ I-II vùng gò má phải và vành tai phải (diện tích da 02% diện tích cơ thể), hiện còn viêm tấy, rỉ dịch.

- Bỏng da độ I-II và độ III mặt ngoài khủy tay phải đến bàn tay phải (diện tích da 03% diện tích cơ thể), hiện còn viêm tấy, da sạm đen trên đó có chỗ còn bong tróc lớp da giấy, tụ bóng nước.

- Bỏng da độ I vùng cánh mũi phải đã được điều trị ổn.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên hiện tại là: 22% (Hai mươi phần hai phần trăm).

Vật gây thương tích: Nhiệt khô (lửa).

Thương tích gây ảnh hưởng thẩm mỹ mức độ ít và hạn chế chức năng điều tiết của da mức độ ít.

*** Tại bản cáo trạng** số 178/CT-VKSRG ngày 18/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang truy tố các bị cáo Tô Thanh T, Nguyễn Minh H và Nguyễn Văn K về tội “Vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 313 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 220/2024/HS-ST ngày 12 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang) đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Tô Thanh T, bị cáo Nguyễn Minh H và bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “*Vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy*”.

- Áp dụng: *Điểm c khoản 3 Điều 313*; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Tô Thanh T** mức án 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án. Tiếp tục duy trì biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo cho đến khi bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng: *Điểm c khoản 3 Điều 313*; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh H** mức án 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án. Tiếp tục duy trì biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo cho đến khi bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng: *Điểm c khoản 3 Điều 313*; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K** mức án 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án. Tiếp tục duy trì biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo cho đến khi bị cáo chấp hành án.

Về phần dân sự: Các bị cáo và các bị hại đã tự nguyện thoả thuận bồi thường xong, các bị hại không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX miễn xét.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/09/2025, bị cáo Nguyễn Văn K và bị cáo Nguyễn Minh H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Xin được cải tạo không giam giữ. Ngày 26/09/2024, bị cáo Tô Thanh T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên kháng cáo và trình bày, về tội danh do các cơ quan pháp luật xem xét các bị cáo không biết. Về hình phạt xin xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo và cải tạo không giam giữ vì các bị cáo chỉ thực hiện công việc hàn sắt sửa chữa nhà, có che chắn, có quan sát cẩn thận, bình thường không thể làm cháy qua nhà kế bên được nhưng nói sai thì các bị cáo cũng nhà bán nhà, tài sản để lo bồi thường rồi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Tại bản án sơ thẩm số 220/2024/HSST ngày 12/9/2024 cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Tô Thanh T, Nguyễn Minh H và Nguyễn Văn K về tội “Vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy” theo điểm c khoản 3 Điều 313 BLHS. Tuy nhiên, qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phần thẩm vấn công khai tại phiên tòa phúc thẩm nhận thấy:

- Tại biên bản kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy vào ngày 26/01/2016 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH (PC07) đối với kho hàng 296 của ông Lê Văn V1 cho thấy cơ sở này được xây dựng bằng vật liệu không cháy và khó cháy, đồng thời kho 296 và kho 294 lại sử dụng vách chung là tường gạch và phần đà gác của 02 kho cũng được phủ tôn ngăn cách từ mái nhà phủ xuống qua khỏi đầu tường gạch. Giữa kho 296 và 294 không có bất kì khoảng trống hay khe hở nào nên đảm bảo việc che chắn không để các tia lửa bắn qua kho 296 trong quá trình các bị cáo K và H thực hiện hàn khung gác bên kho 294. Từ đó đã loại trừ được nhận định ban đầu của PC66 (sau này là PC07) về “*nguyên nhân cháy xảy ra do nhiều khả năng sử dụng hàn điện, cắt xà gồ tại nhà 294 làm vẩy hàn rơi vào kho mốp - xốp nhà 296 gây cháy*”.

- Tại biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh hiện trường thể hiện rõ khi tiến hành khám nghiệm kho số 296 đã phát hiện trên nền kho trong khu vực có gác có 01 que hàn (cách tường phải 01m) và 02 sợi dây điện màu đỏ (cách tường phải 2,2m) đã bị cháy; trên thanh xà gồ kim loại chữ U thứ bảy đếm từ phải qua (cách vách tường bên phải 4,5m), mặt phía trong có nhiều hạt kim loại màu vàng bị nóng chảy trên đoạn

dài 2,5m; ngoài ra trên mặt vách tôn phía kho 296 có nhiều vết biến đổi màu sắc do tác động nhiệt độ cao **trong khi tại kho 294, quá trình khám nghiệm chỉ phát hiện trên nền trong khu vực có gác cách vách bên trái 4,7m và cách tường trước 1,7m có 01 máy hàn, dây điện máy hàn và tay hàn bị cháy xém** (kết quả khám nghiệm phù hợp với lời khai của các bị cáo K và H là sau khi hàn khung xong thì các bị cáo đưa máy xuống đất cuộn dây điện dọn dẹp máy gọn lại rồi nghỉ ngơi khoảng 15 – 20 phút sau đó mới trèo lên để tiến hành lót ván và lúc đó mới phát hiện vách tôn bị đỏ. Trước đó trong suốt quá trình hàn, các bị cáo không phát hiện điều gì bất thường như nhiệt độ tăng cao hay tôn bị biến đổi màu sắc gì cả).

Như vậy, dấu vết tại hiện trường mâu thuẫn cơ bản với Bản kết luận giám định số 807 của Phân viện KHHS Bộ C tại thành phố Hồ Chí Minh “*Nguyên nhân cháy là do trong lúc hàn kim loại tại các khung sắt sàn gác nhà kho 294 đã làm hình thành các hạt kim loại hàn nóng chảy mang nhiệt độ cao liên tục bắn văng ra xung quanh nung nóng tấm tôn vách ngăn với nhà kho số 296 (đang chèn ép sát bề mặt tôn vách ngăn). Đám cháy lúc đầu cháy âm ỉ sau một thời gian ngắn bùng phát cháy lớn và phát triển đi các hướng gây cháy lan sang các nhà số B, 292 và 290*”. (Vật chứng thu giữ là miếng tol gửi giám định không được mô tả rõ bề mặt tol có các vết biến đổi sắc tố là bên mặt của nhà kho 296, dẫn đến dấu vết hiện trường và kết luận giám định mâu thuẫn với nhau).

- Ngoài ra, đối với quy định tại các điểm 2.1.4; điểm 2.2.12; điểm 2.2.17 QCVN 03/2011/BLĐTBXH và khoản 5,6 Điều 13; khoản 1 Điều 14 Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2001 mà cấp sơ thẩm viện dẫn cho rằng các bị cáo vi phạm xét thấy:

+ **Điểm 2.1.4** “*Khi tiến hành công việc hàn điện tại những nơi có nguy cơ cháy, nổ phải tuân theo các quy định an toàn phòng chống cháy, nổ*”:

Trong quá trình điều tra PC07 đã cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra, nhà kho 294 của bị cáo Tô Thanh T không thuộc diện quản lý về Phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại phụ lục I Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy, chữa cháy nên PC07 không tiến hành kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy và lập hồ sơ quản lý phòng cháy, chữa cháy đối với kho 294. Do đó việc Viện Kiểm sát và Tòa án cấp sơ thẩm kết luận các bị cáo vi phạm quy định tại điểm 2.1.4 quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 03/2011/BLĐTBXH là không có căn cứ.

+ **Điểm 2.2.12** “*Các máy hàn nối tiếp xúc có quá trình làm chảy kim loại, phải trang bị tấm chắn kim loại nóng chảy bắn ra, đồng thời bảo đảm cho phép theo dõi quá trình hàn một cách an toàn*”:

Trong vụ án này các bị cáo sử dụng **máy hàn hồ quang bằng tay** (là một loại máy hàn điện sử dụng que hàn có vỏ bọc để tạo ra hồ quang điện, làm nóng chảy kim

loại và que hàn, tạo ra mối liên kết giữa các chi tiết kim loại) chứ không sử dụng **máy hàn nối tiếp xúc** (hay còn gọi là máy hàn điện trở tiếp xúc, là thiết bị sử dụng dòng điện lớn để nung nóng chảy các chi tiết kim loại tại điểm tiếp xúc, sau đó dùng lực ép để chúng dính lại với nhau, tạo thành mối hàn và phương pháp này không cần que hàn hay chất trợ dung, nó thường được ứng dụng trong sản xuất hàng loạt, đặc biệt trong các ngành công nghiệp ô tô, điện tử, và xây dựng). Đây là 02 loại máy khác nhau, có phương pháp và nguyên lý hoạt động khác nhau do đó mới cần có biện pháp bảo đảm an toàn khác nhau. Cấp sơ thẩm đã có sự nhầm lẫn khi cho rằng các bị cáo sử dụng máy hàn nối tiếp xúc từ đó mới kết luận các bị cáo đã vi phạm điểm này.

+ **Điểm 2.2.17** “*Tại các vị trí hàn, nếu chưa có biện pháp phòng chống cháy thì không được tiến hành công việc hàn điện*”:

Như đã phân tích ở trên, kho 296 và kho 294 sử dụng vách chung là tường gạch, phần đà gác của 02 kho được phủ tôn ngăn cách từ mái nhà phủ xuống qua khỏi đầu tường gạch, giữa 02 kho không có bất kì khoảng trống hay khe hở nào nên đã đảm bảo việc che chắn. Do đó cấp sơ thẩm viện dẫn quy định này là không phù hợp.

+ **Đối với viện dẫn Luật phòng cháy chữa cháy năm 2001 cụ thể:**

Khoản 5 Điều 13 “*Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, sử dụng, mua bán trái phép chất nguy hiểm về cháy, nổ; vi phạm nghiêm trọng các quy định quản lý, sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy đã được Nhà nước quy định*”: Cấp sơ thẩm cho rằng các bị cáo vi phạm nhưng lại không nêu được vi phạm cụ thể như thế nào mà chỉ dẫn chứng điều luật chung chung.

Khoản 6 Điều 13 “*Thi công những công trình có nguy hiểm về cháy, nổ mà chưa có thiết kế được duyệt về phòng cháy và chữa cháy; nghiệm thu và đưa vào sử dụng công trình có nguy hiểm về cháy, nổ khi chưa đủ điều kiện bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy*”: Bị cáo T chỉ tiến hành sửa gác (không thuộc trường hợp phải xin phép) do đó điều khoản này là không liên quan.

Khoản 1 Điều 14 “*Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy*”: Cấp sơ thẩm cũng không dẫn chứng được là các bị cáo đã quản lý chưa chặt chẽ và sử dụng không an toàn như thế nào, trong trường hợp cụ thể nào.

Tóm lại, việc cấp sơ thẩm dựa vào nhận định "Nguyên nhân xảy ra cháy là do trong quá trình thực hiện thao tác hàn điện các bị cáo đã không tuân thủ đúng quy định về an toàn lao động đối với máy hàn điện và công việc hàn điện được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 03/2011/BLĐTBXH, cụ thể tại các điểm: 2.1.4; 2.2.12; 2.2.17 và các Điều 13, 14 Luật phòng cháy chữa cháy năm 2001" để từ đó đi đến kết luận hành vi của các bị cáo Tô Thanh T, Nguyễn Minh H và Nguyễn

Văn K đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 313 BLHS là chưa đủ căn cứ vững chắc.

- Ngoài ra, việc áp dụng pháp luật xét xử đối với các bị cáo là không đúng: Hành vi phạm tội xảy ra vào ngày 19/02/2016, theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 quy định rõ: *"Các quy định khác có lợi cho người phạm tội được áp dụng đối với tất cả các hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 mà sau đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử..."* còn *"Các tội phạm mới, ... và các quy định không có lợi cho người phạm tội thì không áp dụng đối với những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử..."*. Qua so sánh đối chiếu giữa 02 bộ luật cho thấy tội "Vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy" không phải là tội danh mới (được quy định tại Điều 240 BLHS 1999 và Điều 313 BLHS 2015) và quy định tại Điều 313 của BLHS 2015 là bất lợi hơn so với quy định tại Điều 240 của BLHS 1999. Cho nên việc cấp sơ thẩm áp dụng Điều 313 Bộ luật Hình sự năm 2015 để truy tố và xét xử là có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật và gây bất lợi đối với các bị cáo.

Từ những sai sót như trên của bản án sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b, c khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh An Giang điều tra lại theo thẩm quyền. Do bản án bị hủy nên không xem xét kháng cáo của các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận

Các bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Thống nhất với quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát, yêu cầu xem xét lại hành vi phạm tội của các bị cáo và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của các bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm: Ngày 19/02/2016, tại nhà kho 294 của Tô Thanh T, có thuê thợ sửa chữa nhà kho, Nguyễn Minh H và Nguyễn Văn K1 có hàn các khuôn sắt, ngưng khoảng 05 đến 10 phút thì phát hiện lửa bùng phát cháy bên nhà kho cặp vách là kho 296 của anh V1, chị Q1, H dùng bình xịt dập lửa và bị bỏng ở mặt, tay. Lửa cháy lan nhanh qua các kho 294 của T, phần bếp nhà 292 của anh Trần Trọng N1 và kho 290 của anh Dương D1, lực lượng Phòng cháy chữa cháy và người dân cùng nhau dập lửa đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì đám cháy mới được

dập tắt. Quá trình điều tra, bản án sơ thẩm nhận định nguyên nhân cháy là do T thuê H và K hàn sửa chữa nhà kho làm bắn các tia lửa ở nhiệt độ cao nung nóng tấm tôn cháy âm ỉ một thời gian rồi bùng phát cháy gây thiệt hại về tài sản qua giám định bằng 8.281.264.000 đồng. Từ đó bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Tô Thanh T3, Nguyễn Minh H, Nguyễn Văn K về tội “Vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy” theo điểm c khoản 3 Điều 313 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét về pháp luật áp dụng và nội dung của bản án sơ thẩm còn có nhiều sai sót như sau:

[3.1] Hành vi phạm tội xảy ra vào ngày 19/02/2016, thời điểm Bộ luật Hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực. Tội “Vi phạm quy định phòng cháy chữa cháy” theo Điều 240 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 có nội dung, quy định tình tiết định khung không giống với Điều 313 Bộ luật Hình sự năm 2015. So sánh tổng thể thì Điều 313 BLHS năm 2015 nặng hơn Điều 240 Bộ luật Hình sự năm 1999, gây bất lợi cho bị cáo. Theo Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội pháp luật áp dụng để điều tra, truy tố xét xử đối với hành vi này là Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, nên cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử đối với các bị cáo là có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật.

[3.2] Về xác định các bị cáo có hành vi vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy gây thiệt hại tài sản cho các bị hại là chưa có căn cứ vững chắc, còn nhiều mâu thuẫn chưa được làm rõ:

(1) Kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh và tài liệu chứng cứ thu giữ cũng như biên bản khám nghiệm hiện trường có mâu thuẫn với nhau chưa được làm rõ. Cụ thể:

Kết luận giám định cho rằng do trong lúc hàn kim loại tại các khung sắt gác nhà kho 294 đã làm hình thành các kim loại nóng chảy mang nhiệt độ cao liên tục bắn văng ra xung quanh nung nóng tấm tôn vách ngăn chung với nhà kho 296, cháy âm ỉ sau một thời gian bùng phát cháy. Tuy nhiên, biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh hiện trường thể hiện rõ khi tiến hành khám nghiệm kho số 296 đã phát hiện trên nền kho trong khu vực có gác có 01 que hàn (cách tường phải 01m) và 02 sợi dây điện màu đỏ (cách tường phải 2,2m) đã bị cháy; trên thanh xà gỗ kim loại chữ U thứ bảy đếm từ phải qua (cách vách tường bên phải 4,5m), mặt phía trong có nhiều hạt kim loại màu vàng bị nóng chảy trên đoạn dài 2,5m; **trên mặt vách tôn phía kho 296 có nhiều vết biến đổi màu sắc do tác động nhiệt độ cao**, trong khi tại kho 294, quá trình khám nghiệm chỉ phát hiện trên nền trong khu vực có gác cách vách bên trái 4,7m và cách tường trước 1,7m có 01 máy hàn, dây điện máy hàn và tay hàn bị cháy xém, không có dấu vết biến đổi sắc tố do tia lửa bắn liên tục vào.

Nghiên cứu quá trình thu giữ vật chứng cũng như Quyết định trưng cầu giám định của cơ quan điều tra đã không thể hiện rõ được tấm tôn gửi giám định bề mặt có nhiều vết biến đổi màu sắc là bên mặt nhà kho 296 (bên mặt nhà kho 294 không có các dấu vết này). Tại phần kết quả của Kết luận giám định cho rằng các dấu vết biến đổi màu sắc trên tấm tôn có đặc điểm và cơ chế hình thành phù hợp với các dấu vết do các hạt kim loại hàn nóng chảy, vẩy xỉ hàn mang nhiệt độ cao bắn văng liên tục vào bề mặt tôn...từ đó kết luận, trong lúc hàn kim loại nhà kho 294 làm hình thành các hạt kim loại bắn ra xung quanh nung nóng tấm tôn. Nội dung này là mâu thuẫn với

kết quả khám nghiệm hiện trường, hai nhà kho 294 và 296 có vách ngăn hoàn toàn, không có khe hở nào để quá trình hàn bên nhà kho 294 các hạt kim loại hàn nóng chảy có thể lọt qua và bắn liên tục lại vào bề mặt tấm tôn phía bên kho 296 được. (Theo mô tả của kết luận giám định thì dấu vết tia lửa làm biến đổi sắc tố phải nằm bên mặt tôn 294 nhưng khám nghiệm hiện trường thì mặt tôn 294 không có thể hiện các dấu vết này).

(2) Nhận định ban đầu về nguyên nhân cháy của PC07 cho rằng nhiều khả năng trong lúc hàn kho 294 làm vẩy hàn rơi vào kho mốp- xốp nhà kho 296 gây cháy cũng mâu thuẫn với hiện trường vụ án. Giữa hai nhà kho ngăn cách bằng vách tôn phía dưới là tường, phía trên phủ tôn qua khỏi đầu tường gạch, không có bất kỳ khoảng trống hay khe hở nào.

(3) Ngoài ra, đối với quy định tại các điểm 2.1.4; điểm 2.2.12; điểm 2.2.17 QCVN 03/2011/BLĐTBXH và khoản 5,6 Điều 13; khoản 1 Điều 14 Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2001 mà Bản án sơ thẩm viện dẫn là chưa phù hợp như nhận định của Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Xét thấy, với những sai sót như trên của bản án sơ thẩm cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại theo đúng quy định.

[5] Do bản án bị hủy nên không xem xét kháng cáo của các bị cáo.

[6] Về quan điểm đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Do bản án bị hủy nên các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b, c khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 220/2024/HS-ST, ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh An Giang).

Giao hồ sơ vụ án về cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh An Giang điều tra lại.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Diệu Hiền